https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n4.2

SECONDARY SCHOOL STUDENTS' PARTICIPATION IN SCHOOL-ORGANIZED CAREER GUIDANCE AND STREAMING ACTIVITIES IN HANOI

Nguyen Duc Son, Le Minh Nguyet, Tran Thi Ha

Hanoi National University of Education

Received: July 1, 2026

Accepted: July 20, 2026

Abstract: *This study was conducted with 554 ninth-grade students from 38 schools in Hanoi using a questionnaire to identify students' post-graduation aspirations and their levels of exposure to and participation in career guidance and educational streaming activities organized by secondary schools. The findings showed that the overwhelming majority of ninth-grade students wished to continue to upper secondary education. Only a very small proportion intended to work in production or pursue vocational training. This pattern was common among students in both urban and suburban areas. Students reported low levels of participation in these activities and low perceived necessity for their implementation. Perceived usefulness was slightly higher, but the difference was not statistically significant; all three indicators were positively correlated. These results indicate that students' engagement in school-organized career guidance and streaming activities remains limited and insufficiently proactive. The findings provide a basis for schools to renew the content and formats of career guidance and streaming activities and thereby improve their effectiveness at the lower secondary level.*

Keywords: *Career guidance and student streaming; Students' post-graduation aspirations; Participation in career guidance and streaming activities; Usefulness; Necessity of career guidance and streaming activities.*

THỰC TRẠNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG DO NHÀ TRƯỜNG TỔ CHỨC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Trần Thị Hà

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Ngày nhận bài: 1/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 20/7/2026

Tóm tắt: *Nghiên cứu được tiến hành trên nhóm khách thể 554 học sinh lớp 9 của 38 trường thuộc các phường/xã trên địa bàn Hà Nội, bằng phương pháp bảng hỏi, nhằm xác định nguyện vọng, mức độ tiếp nhận và tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội tổ chức. Các kết quả khảo sát cho thấy tuyệt đại đa số học sinh lớp 9 có nguyện vọng học tiếp trung học phổ thông. Số học sinh có nguyện vọng học xong về nhà sản xuất hoặc đi học nghề chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Thực trạng này phổ biến đối với cả học sinh nội thành và ngoại thành. Các chỉ số về mức độ tham gia các hoạt động và cảm nhận sự cần thiết triển khai các hoạt động đó của học sinh thấp; cảm nhận về sự bổ ích của các hoạt động đó tuy có cao hơn chút ít, nhưng không có ý nghĩa thống kê và cả ba chỉ số này có tương quan thuận với nhau. Điều này chứng tỏ sự tiếp nhận và tham gia của học sinh hoạt vào hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường tổ chức chưa chủ động, chưa cao. Đây chính là cơ sở để nhà trường đổi mới nội dung, hình thức các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác này của trường trung học cơ sở.*

Từ khóa: *Hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh; Nguyện vọng của học sinh sau tốt nghiệp; Sự tham gia vào hoạt động hướng nghiệp và phân luồng; Sự bổ ích; Sự cần thiết của hoạt động hướng nghiệp và phân luồng.*

1. Mở đầu

1.1. Đặt vấn đề

Giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông nhằm "giúp học sinh hình thành nhận thức về thế giới nghề nghiệp, khám phá năng lực bản thân và đưa ra những lựa chọn phù hợp cho tương lai" (Yulianti và cộng sự, 2023). Đối với học sinh lớp 9, "định hướng nghề nghiệp càng trở nên cấp thiết khi các em chuẩn bị bước vào giai đoạn giáo dục tiếp theo và đối diện với những quyết định quan trọng về lựa chọn môn học ở cấp trung học phổ thông hoặc các trường nghề" (Caballes và cộng sự, 2022).

Ở nước ta, giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và trên thực tế được xác định là thành phần hữu cơ của chương trình giáo dục phổ thông mới (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Chính phủ cũng đã triển khai đề án "*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025*" (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Trong đó mục tiêu và các giải pháp giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS được xác định rất cụ thể.

Tuy nhiên, trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông, học sinh vừa là đối tượng, vừa là chủ thể. Hiệu quả của công tác này không chỉ do chất lượng tổ chức các hoạt động của giáo viên và nhà trường, mà còn phụ thuộc phần lớn vào sự hợp tác của học sinh. Vì vậy, khi triển khai các giải pháp hướng nghiệp và phân luồng học sinh, nhà trường và giáo viên cần quan tâm tới sự tiếp nhận và tham gia của học sinh.

Về phương diện khoa học, đã có nhiều nghiên cứu việc triển khai các giải pháp hướng nghiệp và phân luồng học sinh từ giáo viên và nhà trường (Hồ Văn Thông, 2014; Đỗ Thị Bích Loan và Lương Việt Thái, 2018; Ngô Thanh Thủy, 2023; Nguyễn Văn Tráng, 2022; Lê Thị Quỳnh Nga và cộng sự, 2026). Bên cạnh đó, có các nghiên cứu về nhu cầu được hướng nghiệp của học sinh (Nguyễn Thị Ngọc Bé - Trần Thị Tú Anh, 2010), hay xu hướng chon nghề của học sinh trung học cơ sở (Huỳnh Văn Sơn, 2011). Tuy nhiên, sự tiếp nhận và tham gia các hoạt động giáo dục hướng nghiệp do nhà trường tổ chức của học sinh hầu như chưa được nghiên cứu. Điều này tạo ra khoảng trống về thông tin khoa học, dẫn đến nguy cơ các hoạt động của giáo viên khó tương thích với hoạt động của học sinh. Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu xác định mức độ tiếp nhận và tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội tổ chức. Từ đó, giúp giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường có cơ sở khoa học và thực tiễn để điều chỉnh các biện pháp giáo dục, tư vấn hướng nghiệp và phân luồng cho phù hợp với đối tượng học sinh.

1.2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu

Có 2 phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu: phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi dành cho học sinh và phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc.

Nội dung bảng hỏi gồm 34 items, chia thành 4 chủ đề: (1) Nguyện vọng của học sinh sau khi học xong trung học cơ sở (7 items); (ii) Mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức (9 items); (iii) Cảm nhận của học sinh về mức độ bổ ích từ các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức (9 items); (iv) Mong muốn của học sinh về hình thức hướng nghiệp được nhà trường tổ chức (9 items).

Các items được thiết kế theo thang Likert 3 mức từ thấp đến cao và được quy thành điểm số: Điểm 1 ứng với mức thấp, điểm 2 trung bình và điểm 3 ứng với mức cao, tùy theo nội dung của mỗi chủ đề. Căn cứ vào ĐTB và ĐLC, giá trị các khoảng được xác định như sau: Mức thấp khi giá trị nhỏ hơn ĐTB - 0,5 ĐLC; Mức trung bình khi giá trị từ ĐTB - 0,5 ĐLC đến ĐTB + 0,5 ĐLC và Mức cao khi giá trị lớn hơn ĐTB + 0,5 ĐLC.

Hệ số tin cậy Crobach's Alpha của các tiểu cấu trúc có giá trị như sau: Tiểu cấu trúc (i): 0,948; (ii): 0,931; (iii): 0,937; (iv): 0,908; Toàn thang đo: 0,924. Như vậy, các items và cả thang đo được chấp nhận về độ tin cậy khoa học.

Khách thể nghiên cứu

Khách thể khảo sát là 554 học sinh lớp 9 của 38 trường THCS thuộc các phường/xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện. Các khách thể được chọn theo phương pháp thuận tiện. Trong đó, có 348 học sinh thuộc khu vực thành thị chiếm tỷ lệ 62,8% và có 206 em học sinh (chiếm 31,2%) sinh sống ở khu vực ngoại thành/nông thôn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nguyện vọng của học sinh THCS

Nguyện vọng sau khi tốt nghiệp không chỉ là nhận thức, mà còn là ước mơ, ý chí và cả hành động của học sinh trung học cơ sở, được các em đưa vào và chi phối thái độ tiếp nhận, tham gia các hoạt động hướng nghiệp của giáo viên và nhà trường. Kết quả khảo sát thực tiễn về nguyện vọng của học sinh lớp 9 THCS sau khi học xong THCS được tập hợp trong Bảng 1.

Bảng 1. Nguyện vọng của học sinh sau khi học xong trung học cơ sở

Stt	Nguyện vọng	Thứ bậc ưu tiên (tỷ lệ %)							ĐTB	Thứ bậc
		1	2	3	4	5	6	7		
Chung (n = 554)										
1	Học tiếp THPT công lập	91,1	4,9	1,4	0,5	0,5	1,1	0,4	6,8	1
2	Học tiếp THPT	5,1	86,1	4,7	1,1	1,6	0,5	0,7	5,9	2
3	Học tiếp THPT tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên	0,2	0,4	14,3	34,4	19,2	16,3	15,4	3,2	5
4	Học tiếp THPT tư thục	0,5	4,2	69,1	17,7	3,2	3,8	1,4	4,6	3
5	Nghỉ học về nhà lao động sản xuất	0	0,7	1,6	3,1	17,5	21,3	55,7	1,8	7
6	Học văn hóa kết hợp với học nghề	0,9	2,2	6,3	34,7	37,6	17,0	1,3	3,4	4
7	Đi học nghề	0,7	2,5	3,1	9,0	20,1	39,8	24,8	2,4	6
Nội thành (n = 348)										
1	Học tiếp THPT công lập	89,3	5,2	2,3	0,9	0,9	0,9	0,6	6,8	1
2	Học tiếp THPT	6,0	85,3	3,2	1,4	2,0	0,9	1,0	5,8	2
3	Học tiếp THPT tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên	0,3	0,3	13,3	33,1	22,5	15,0	15,6	3,5	4
4	Học tiếp THPT tư thục	0,6	4,3	71,6	15,8	2,3	3,7	1,7	4,7	3
5	Nghỉ học về nhà lao động sản xuất	0	0,6	2,3	3,2	13,5	23,9	56,5	1,7	7
6	Học văn hóa kết hợp với học nghề	0,9	2,9	4,9	38,0	38,3	13,5	1,4	3,4	5
7	Đi học nghề	0,6	2,9	3,5	8,4	19,9	41,8	23,1	2,4	6
Ngoại thành (n = 206)										
1	Học tiếp THPT công lập	94,2	4,4	0	0	0	1,5	0	6,9	1
2	Học tiếp THPT	3,4	87,4	7,3	0,5	1,0	0	0,5	5,9	2
3	Học tiếp THPT tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên	0	0,5	16,0	36,4	13,6	18,4	15,0	3,1	5
4	Học tiếp THPT tư thục	0,5	3,9	65,0	20,9	4,9	3,9	1,0	4,6	3
5	Nghỉ học về nhà lao động sản xuất	0	1,0	0,5	2,9	24,3	17,0	54,4	1,8	7
6	Học văn hóa kết hợp với học	1,0	1,0	8,7	29,1	36,4	22,8	1,0	3,3	4

	nghề									
7	Đi học nghề	1,0	1,9	2,4	10,2	20,4	36,4	27,7	2,3	6

Có 7 khả năng lựa chọn đối với học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, theo thứ tự ưu tiên từ thứ 1 đến thứ 7. Số liệu ở bảng 1 cho thấy bức tranh tổng thể như sau: (i) Phần đa học sinh THCS được khảo sát có nguyện vọng sau khi tốt nghiệp được tiếp tục học tại các trường THPT công lập (97,4% nguyện vọng 1, 2, 3; 91,1% nguyện vọng 1), hoặc THPT (95,9% nguyện vọng 1, 2, 3 vào các trường THPT (91,2% nguyện vọng 1 và 2). 73,8% nguyện vọng 2, 3). (ii) Nếu không được học các trường công lập hay tư thục, sẽ kết hợp học văn hóa và học nghề (89,8% nguyện vọng 4, 5, 6) hoặc học văn hóa tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên (69,9% nguyện vọng 4, 5, 6). (iii) Số học sinh có nguyện vọng 1, 2, 3 sau khi tốt nghiệp THCS sẽ đi học nghề hoặc về lao động sản xuất có tỷ lệ rất thấp (5,5% có nguyện vọng đi học nghề và 1,5% về lao động sản xuất). Nói khái quát, đa số học sinh THCS có nguyện vọng học tiếp trung học phổ thông theo mọi hình thức, nếu không được như vậy, sẽ vừa học văn hóa vừa học nghề. Rất ít có nguyện vọng đi học nghề hoặc về nhà sản xuất. (iv) Không có sự khác biệt về nguyện vọng sau khi tốt nghiệp của học sinh THCS thuộc khu vực nội thành và ngoại thành (cả về tỷ lệ % và số thứ tự các nguyện vọng (do p = 0,94). Điều này cho thấy nguyện vọng được học tiếp trung học phổ thông là của đại đa số học sinh THCS trên địa bàn Hà Nội.

2.2. Mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức

Trong phạm vi nhà trường, thường có 9 hình thức hoạt động hướng nghiệp phổ biến cho học sinh:

(1) Bài giảng của các Thầy/cô giáo bộ môn có đề cập tới hướng nghiệp;

(2) Tham quan, trải nghiệm tại cơ cở sản xuất, kinh doanh;

(3) Nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia;

(4) Sinh hoạt dưới cờ chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(5) Sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(6) Tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(7) Tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(8) Sinh hoạt các câu lạc bộ về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(9) Các đợt thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp, phân luồng học sinh.

Dưới đây là mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động trên.

Bảng 2. Mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức

Các hoạt động	**Chung cả nhóm khách thể (554)**					**Học sinh nội thành (n = 348)**					**Học sinh ngoại thành (n = 206)**				
	Tỷ lệ % mức độ			**ĐTB**	**TB**	**Tỷ lệ % mức độ**			**ĐTB**	**TB**	**Tỷ lệ % mức độ**			**ĐTB**	**TB**
	Ít khi	**BT**	**TX**			**Ít khi**	**BT**	**TX**			**Ít khi**	**BT**	**TX**		
1	20,8	54,3	24,9	2,04	1	24,1	52,0	23,9	1,99	2	15,0	58,3	26,7	2,12	1
2	52,2	35,6	12,3	1,60	6	52,0	36,2	11,8	1,60	6	52,4	34,5	13,1	1,61	5
3	51,8	37,5	10,6	1,59	7	50,9	37,9	11,2	1,60	6	53,4	36,9	9,7	1,56	7
4	25,5	51,1	23,5	2,00	2	24,4	50,3	25,3	2,03	1	27,2	52,4	20,4	1,93	2
5	30,0	49,3	20,8	1,91	3	29,3	48,9	21,8	1,93	3	31,1	50,0	18,9	1,88	4
6	50,1	38,4	11,5	1,62	5	50,6	36,5	12,9	1,62	5	49,0	41,7	9,2	1,60	6
7	58,5	34,8	6,7	1,48	9	58,0	33,6	8,3	1,50	9	59,2	36,9	3,9	1,45	9
8	59,9	31,6	8,5	1,49	8	59,8	29,9	10,3	1,51	8	60,2	34,5	5,3	1,47	8
9	31,1	49,1	20,8	1,87	4	37,1	40,8	22,1	1,85	4	29,1	52,4	18,4	1,89	3
Chung	**42,2**	**42,4**	**15,4**	**1,73**		**42,9**	**40,7**	**16,4**	**1,74**		**42,0**	**44,2**	**13,9**	**1,72**	

Ghi chú: BT: Bình thường; TX: Thường xuyên; TB: Thứ bậc.

Nhìn chung, các hình thức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức đều được học sinh tham gia ở các mức độ khác nhau. Cụ thể: khoảng 15,4% tham gia ở mức thường xuyên; 42,4% ở mức bình thường và 44,2% ít khi tham gia. Các hình thức như bài giảng của các Thầy/cô giáo bộ môn có đề cập tới hướng nghiệp; Các buổi sinh hoạt dưới cờ chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; Các buổi sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh hay các phong trào thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp, phân luồng học sinh, thu hút hơn 70% học sinh tham gia, trong đó có khoảng 20% - 30% học sinh tham gia ở mức thường xuyên. Số ít tham gia chiếm tỷ lệ 20% - 31%. Các hoạt động tham quan, trải nghiệm tại cơ cở sản xuất, kinh doanh; Các buổi nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia; Các buổi tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; Các buổi tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp, phân luồng học sinh và Sinh hoạt các câu lạc bộ về hướng nghiệp, phân luồng học sinh, là những hoạt động có tỷ lệ nhỏ hơn 50% số học sinh tham gia, trong đó ở mức thường xuyên thấp (xấp xỉ 10%), số ít tham gia từ 50% - 60%. Đây là những hình thức ít được tiến hành ở các trường trung học cơ sở trong điều kiện hiện nay, mặc dù những hoạt động này là cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu của công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong nhà trường. Giữa học sinh nội thành và ngoại thành không có sợ khác nhau về tỷ lệ % học sinh ở các mức độ, điểm trung bình về mức độ tham gia và thứ bậc mức độ tham gia các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức. Kết quả kiểm định T-test cho thấy, chỉ duy nhất ở các hoạt động số 7, 8 và 9 là có chỉ số $p < 0,05$, nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa học sinh ở nội thành và ngoại thành ở các hình thức hoạt động tư vấn cá nhân của chuyên gia; sinh hoạt câu lạc bộ và các phong trào thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề phân luồng, hướng nghiệp. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo địa bàn sinh sống đối với các hình thức hoạt động còn lại và trên toàn thang đo chung.

Khái quát, các kết quả trong bảng 2 cho thấy sự tham gia của học sinh vào các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức chưa cao, nhất là đối với các hoạt động có tính chuyên sâu. Điều này có tính phổ biến đối với cả học sinh nội thành và học sinh vùng ngoại thành được khảo sát. Đây có thể là sự bất cập trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong trường trung học cơ sở ở Hà Nội hiện nay.

2.3. Cảm nhận của học sinh về mức độ bổ ích từ các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức

Từ sự tham gia các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức, học sinh cảm nhận như thế nào về mức độ bổ ích của các hoạt động đó đối với bản thân? Kết quả khảo sát được tập hợp trong Bảng 3.

Bảng 3. Cảm nhận của học sinh về mức độ bổ ích từ các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức

Các hoạt động	Chung cho cả nhóm khách thể					Học sinh nội thành					Học sinh ngoại thành				
	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB
	Ít bổ ích	BT	Bổ ích			Ít bổ ích	BT	Bổ ích			Ít bổ ích	BT	Bổ ích		
1	16,3	50,1	33,6	2,0	8	16,3	50,4	33,3	2,00	9	16,3	49,6	34,1	2,01	7
2	16,8	52,2	31,0	2,14	6	15,2	52,0	32,8	2,18	6	19,4	52,4	28,2	2,09	5
3	11,6	44,6	43,9	2,32	1	8,6	43,4	48,0	2,39	1	16,5	46,6	36,9	2,20	1
4	13,0	56,0	31,0	2,18	4	11,2	53,4	35,3	2,24	4	16,0	60,2	23,8	2,08	6
5	12,6	53,1	34,3	2,22	2	11,8	50,3	37,9	2,26	2	14,1	57,8	28,2	2,14	2
6	19,0	59,6	21,5	2,03	7	17,8	57,2	25,0	2,07	7	20,9	63,6	15,5	1,95	8
7	15,7	48,2	36,1	2,20	3	14,7	46,0	39,4	2,25	3	17,5	51,9	30,6	2,13	3
8	24,0	53,4	22,6	1,99	9	24,4	48,6	27,0	2,03	8	23,3	61,7	15,0	1,92	9

9	15,9	52,7	31,4	2,17	5	14,9	52,3	32,8	2,22	5	17,5	53,4	29,1	2,12	4
Chung	**16,1**	**51,9**	**32,0**	**2,05**		**15,0**	**50,1**	**34,9**	**2,18**		**17,9**	**55,9**	**26,2**	**2,07**	

Ghi chú: (1) Bài giảng của các Thầy/cô giáo bộ môn có đề cập tới hướng nghiệp; (2) Tham quan, trải nghiệm tại cơ cở sản xuất, kinh doanh; (3) Nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia; (4) Sinh hoạt dưới cờ chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (5) Sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;(6) Tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (7) Tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (8) Sinh hoạt các câu lạc bộ về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (9) Các đợt thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp, phân luồng học sinh.

Theo cảm nhận của học sinh, các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng được nhà trường tổ chức đều bổ ích ở mức độ tương đối cao (thấp nhất là 1,99 điểm/3 điểm, cao nhất là 2,32 điểm). Trong đó, việc tổ chức các buổi trao đổi, nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia; các buổi sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; các buổi tư vấn cá nhân của chuyên gia và các buổi sinh hoạt dưới cờ là những hoạt động bổ ích hơn các hoạt động khác (từ 31% đến 43,9% cảm nhận bổ ích; điểm trung bình từ 2,18 điểm đến 2,32 điểm). Một số hoạt động ít bổ ích hơn là tổ chức các phong trào thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp, phân luồng học sinh; các bài giảng của các Thầy/cô giáo bộ môn có đề cập tới (lồng ghép) hướng nghiệp và Tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp, phân luồng học sinh (có 33,6% cảm nhận có bổ ích; điểm trung bình 2,0). Trong khi đó, các bài giảng của giáo viên có lồng ghép nội dung hướng nghiệp và phân luồng học sinh được xác định là một trong những giải pháp chính trong công tác hướng nghiệp của nhà trường. Điểm trung bình chung về cảm nhận về mức độ bổ ích của các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức của học sinh nội thành cao hơn điểm trung bình chung cảm nhận của học sinh ngoại thành (2,18 so với 2,07; $p < 0,05$ - kiểm định T-test). Điều này cho thấy, học sinh ở nội thành có cảm nhận về sự bổ ích của các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng cao hơn học sinh ngoại thành

2.4. Mong muốn của học sinh về hình thức tổ chức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng hiện nay trong nhà trường

Mong muốn của học sinh về hình thức tổ chức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng hiện nay trong nhà trường được xác định theo 3 mức: Chưa cần, bình thường và rất cần. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Mong muốn của học sinh về hình thức tổ chức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng hiện nay trong nhà trường

Các hoạt động	Chung cho cả nhóm khách thể					Học sinh nội thành					Học sinh ngoại thành				
	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB	Tỷ lệ % mức độ			ĐTB	TB
	Chưa cần	Cần	Rất cần			Chưa cần	Cần	Rất cần			Chưa cần	Cần	Rất cần		
1	16,6	60,3	23,1	2,07	3	15,5	60,1	24,4	2,09	3	18,4	60,7	20,9	2,02	2
2	24,4	49,5	26,2	2,02	5	24,4	49,1	26,4	2,02	5	24,3	50,0	25,7	2,01	3
3	17,7	48,6	33,6	2,16	1	15,9	48,4	35,7	2,20	1	20,9	49,0	30,1	2,09	1
4	18,6	62,4	19,0	2,00	6	17,0	64,7	18,4	2,01	6	21,5	58,5	20,0	1,98	7
5	19,0	57,6	23,4	2,04	4	17,6	58,5	23,9	2,06	4	21,5	56,1	22,4	2,01	3
6	24,2	56,1	19,7	1,95	8	23,9	54,6	21,6	1,98	8	24,8	58,7	16,5	1,92	8
7	17,7	52,5	29,8	2,12	2	15,2	51,1	33,6	2,18	2	21,8	54,9	23,3	2,00	5
8	28,9	54,2	17,0	1,88	9	28,7	52,3	19,0	1,90	9	29,1	57,3	13,6	1,84	9
9	25,5	49,7	24,8	1,99	7	27,0	47,1	25,9	1,99	7	22,9	54,1	22,9	1,99	6
Chung	**21,4**	**54,8**	**23,8**	**2,03**		**20,6**	**54,0**	**25,4**	**2,05**		**22,8**	**55,5**	**21,7**	**1,98**	

Ghi chú: (1) Bài giảng của các Thầy/cô giáo bộ môn có đề cập tới hướng nghiệp; (2) Tham quan, trải nghiệm tại cơ cở sản xuất, kinh doanh; (3) Nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia; (4) Sinh hoạt dưới cờ chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (5) Sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;

(6) Tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (7) Tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp, phân luồng học sinh; (8) Sinh hoạt các câu lạc bộ về hướng nghiệp, phân luồng học sinh;(9) Các đợt thi đua tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp, phân luồng học sinh.

Dựa vào điểm trung bình các mức độ cảm nhận về sự cần thiết của các hoạt động hướng nghiệp (ĐTB = 2,03) và độ lệch chuẩn (ĐLC = 0,46), cho thấy, không có hoạt động nào hoàn toàn chưa cần thiết và cũng không có hoạt động nào có mức độ cần thiết cao (> ĐTB + 1 ĐLC, tức là > 2,49), tất cả đều ở mức trung bình (từ 1,88 điểm đến 2,16 điểm). Điều này cũng được thể hiện qua tỷ lệ % học sinh ở các mức cảm nhận. Có 54,8% học sinh thấy cần thiết, 23,8% rất cần thiết của các hình thức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh đang được nhà trường tổ chức. Số học sinh nhận thấy chưa cần thiết 21,4%. Hoạt động có nhiều học sinh cho rằng rất cần thiết (33,6%) và ít học sinh (17,7%) thấy chưa cần thiết là mời các chuyên gia nói chuyện, tư vấn về hướng nghiệp và phân luồng. Hoạt động có nhiều học sinh thấy chưa cần thiết (28,9%) và ít học sinh thấy cần thiết (17,0%) là tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ về hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong nhà trường.

Điểm trung bình cảm nhận về sự cần thiết của các hoạt động hướng nghiệp của các học sinh nội thành cao hơn điểm trung bình của học sinh ngoại thành. Tuy nhiên, theo kết quả của kiểm định T-test với p > 0,05, cho thấy mức chênh lệch này không có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ % số học sinh nội thành và số học sinh ngoại thành ở các mức khác nhau cũng tương đồng như vậy. Điều này cho thấy không có sự khác biệt giữa học sinh nội thành và ngoại thành về cảm nhận sự cần thiết của các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường tổ chức.

2.5. Quan hệ giữa mức độ tham gia của học sinh với cảm nhận mức độ bổ ích và sự cần thiết của các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường tổ chức

Vấn đề đặt ra là có mối quan hệ như thế nào giữa mức độ tham gia của học sinh với cảm nhận mức độ bổ ích và sự cần thiết của các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường tổ chức? Kết quả xác định tương quan hồi quy giữa các biến được thể hiện trong Bảng 5.

Bảng 5. Tương quan hồi quy giữa mức độ tham gia, cảm nhận bổ ích và mức độ cần thiết về các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng của học sinh

Biến		**Tham gia**	**Cảm nhận bổ ích**	**Mong muốn về hoạt động**
Tham gia	r	1	0,45**	0,462**
	Sig. (2-tailed)		< 0,001	< 0,001
Cảm nhận bổ ích	r	0,45**	1	0,409**
	Sig. (2-tailed)	< 0,001		< 0,001
Mong muốn về hoạt động	r	0,462**	0,409**	1
	Sig. (2-tailed)	< 0,001	< 0,001	

*Ghi chú: **: hệ số tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0,01.*

Các giá trị kiểm định hai chiều về mối tương quan giữa mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng với cảm nhận mức độ bổ ích và mức độ cần thiết của các hoạt động đó cho thấy các biến được xác định đều có tương quan hồi quy thuận ở mức cận trung bình (từ r = 0,409 đến r = 0,462). Cụ thể tương quan giữa mức độ tham gia với mức độ cảm nhận sự bổ ích của các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng r = 0,45; tương quan giữa mức độ tham gia với mức độ cần thiết của các hoạt động r = 0,462; tương quan giữa mức độ cảm nhận sự bổ ích với mức độ cần thiết của các hoạt động r = 0,409. Điều này cho thấy có sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố trên theo chiều hướng tích cực. Nói cách khác, nếu mức độ tham gia các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường tổ chức của học sinh được tăng lên sẽ tác động tích cực đến cảm nhận sự bổ ích và sự cần thiết của các hoạt động đó. Ngược lại khi cảm nhận của học sinh về giá trị và sự cần thiết của các hoạt động được tăng sẽ tác động đến mức độ tham gia các hoạt động đó của các em.

3. Kết luận

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp là hoạt động có tính tương tác cao giữa giáo viên và học sinh. Trong đó, giáo viên là người tổ chức các hình thức hoạt động khác nhau còn học sinh chủ động tham gia các hoạt động đó. Đồng thời thông qua các kết quả, các phản hồi từ phía học sinh, giáo viên điều chỉnh mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức của mình, phù hợp với sự tiếp nhận, biến đổi và tiến bộ của học sinh. Nghiên cứu này hướng đến khảo sát mức độ tiếp nhận và tham gia của học sinh vào các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh do nhà trường trung học cơ sở trên địa bàn Hà Nội tổ chức. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn chủ đề: Nguyện vọng của học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở; mức độ tham gia các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức; cảm nhận mức độ bổ ích của các hoạt động đã tham gia và mong muốn về mức độ triển khai các hoạt động đó trong tương lai gần. Các kết quả khảo sát gợi ra nhiều vấn đề liên quan tới việc xác định và điều chỉnh mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh của nhà trường: Tuyệt đại đa số học sinh lớp 9 có nguyện vọng học tiếp trung học phổ thông. Nếu không đạt được mục tiêu, sẽ học văn hóa kết hợp với học nghề. Số học sinh có nguyện vọng học xong về nhà sản xuất hoặc đi học nghề chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Điều này phổ biến đối với cả học sinh nội thành và ngoại thành. Các chỉ số về mức độ tham gia các hoạt động và cảm nhận mức độ cần thiết triển khai các hoạt động đó của học sinh thấp, tuy cảm nhận về mức độ bổ ích của các hoạt động đó có cao hơn chút ít và cả ba chỉ số này có tương quan thuận với nhau. Từ đó cho thấy sự tiếp nhận và tham gia của học sinh hoạt vào hoạt động hướng nghiệp và phân luồng do nhà trường tổ chức chưa chủ động, chưa cao. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh, nhà trường cần đổi mới nội dung, hình thức các hoạt động hướng nghiệp, đặc biệt là các hoạt động định hướng, tư vấn, trải nghiệm, hỗ trợ học sinh - là những cơ bản, cốt lõi trong công tác hướng nghiệp; mặt khác cần thường xuyên khảo sát, đánh giá nguyện vọng cũng như mức độ chủ động tiếp nhận và tham gia của các em để kịp thời điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp, biện pháp hướng nghiệp và phân luồng học sinh, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác này.

Chú thích: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài KH & CN cấp Thành phố "*Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội*". Mã số: CT09 - 01-2024 -3, do PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn làm chủ nhiệm, PGS.TS. Lê Minh Nguyệt và TS. Trần Thị Hà là thành viên nghiên cứu chính.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Ngọc Bé, Trần Thị Tú Anh (2010). Nhu cầu tham vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, 2*(14), 94-103. Trường Đại học Sư phạm Huế. ISSN 1859-1612.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông (chương trình tổng thể)*.

3. Đỗ Thị Bích Loan và Lương Việt Thái (2018). Chương trình giáo dục phổ thông mới và vấn đề phân luồng học sinh. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, số 4,* 1-5.

4. Lê Thị Quỳnh Nga và cộng sự (2026). Quy trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Giáo dục, 26*(3), 1-6. ISSN: 2354-0753.

5. Huỳnh Văn Sơn (2011). Xu hướng chọn nghề nghiệp của học sinh cuối cấp trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông tỉnh Bình Dương hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 31*, 125-131.

6. Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 59*, 195-200.

7. Nguyễn Văn Tráng (2022). Một số giải pháp phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông gắn với giai phát triển cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, tập 18, số 9,* 68-72.

8. Thủ Tường Chính phủ (2018). *Quyết định của Thủ tưởng Chính phủ số 522/QĐ-TTg Phê duyệt đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025"*.

9. Ngô Thanh Thủy (2023). Tổng quan nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục, 23*(1), 35-39 ISSN: 2354-0753.

Tài liệu tiếng Anh

10. Caballes, D., Gapad, E., Valdez, M., & Quintos, C. (2022). *Exploring between SHS strand and college course mismatch: Bridging the gap through school policy on intensified career guidance program, 12*, 156-161.

11. Yulianti, Y., Finanjani, S., Sari, D., & Asmawati, A. (2023). Career Guidance Helps Students Choose the Right Career Path. *Edumaspul: Jurnal Pendidikan*, *7*, 3470-3474. https://doi.org/10.33487/edumaspul.v7i2.6837.